

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 04 -4-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Hồng Hiệp**.

2. Bà **Trần Thúy Kiều**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Lê Hồng Như** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn ông **Sơn T**; Sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Sơn T: Ông **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1990 – Địa chỉ: Khóm Z, phường X, thành phố V, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- Bị đơn ông **Dương Thanh T1**; Sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông **Dương Bảo Q**, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp T, xã Y, huyện U, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Sơn T trình bày:**

Vào ngày 13/5/2022, tại ấp H, xã K, huyện L, ông Sơn T và ông Dương Thanh T1 có ký hợp đồng đặt cọc. Theo hợp đồng thì số tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng,

với giao kết là kể từ ngày 23/5/2022 đến ngày 28/6/2022 ông Dương Thanh T1 sẽ ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho ông Sơn T phần đất có diện tích 5.000m² đất ruộng, tại thửa 426, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất: Ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, với giá chuyển nhượng là 1.160.000.000 đồng; Nếu bên ông Sơn T từ chối việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng thì mất tiền cọc, nếu bên ông Dương Thanh T1 từ chối việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng thì phải bồi thường tiền cọc. Do nguồn gốc phần đất chuyển nhượng trước đây là của ông Trần Đ chuyển nhượng cho ông Dương Thanh T1 nhưng chưa làm giấy sang tên. Do đó, các bên đã thỏa thuận là ông Trần Đ sẽ làm thủ tục chuyển nhượng thẳng qua tên ông Sơn T mà không phải qua tên ông Dương Thanh T1, cho nên vào ngày 15/5/2022 ông Sơn T và ông Trần Đ có làm hợp đồng đặt cọc với thửa đất nêu trên. Theo hợp đồng thì số tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng nhưng khi cán bộ địa chính đến đo đạc thì đo không được do đất sai vị trí, cho nên hai bên thỏa thuận là ông Sơn T chỉ giao tiền cọc trước là 50.000.000 đồng và ông Sơn T đã giao đủ số tiền này cho ông Dương Thanh T1. Đến ngày 28/6/2022 đã hết thời hạn của hợp đồng đặt cọc, ông Dương Thanh T1 không yêu cầu địa chính đo đất, không ký hợp chuyển nhượng với ông Sơn T và sau đó ông Dương Thanh T1 lại chuyển nhượng phần đất trên cho người khác.

Nay ông Sơn T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú giải quyết: Buộc ông Dương Thanh T1 trả lại cho ông Sơn T số tiền cọc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và bồi thường cho ông Sơn T số tiền tương ứng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông Sơn T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- 01 Căn cước công dân tên Sơn T (bản sao chứng thực);
- 01 Giấy ủy quyền ngày 19/12/2022 (bản chính);
- 01 Hợp đồng đặt cọc lập ngày 13/5/2022 (bản sao);
- 01 Sổ hộ khẩu chủ hộ tên Sơn T (bản sao chứng thực);
- 01 Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đối thoại trước khi thụ lý lập ngày 30/12/2022 (bản gốc).

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Thanh T1 trình bày:***

Trước đây, giữa ông Dương Thanh T1 và ông Trần Đ đã thỏa thuận với nhau chuyển nhượng phần đất tại thửa số 426, tờ bản đồ số 05 tọa lạc ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với diện tích khoảng 5.003m² (loại đất chuyên trồng lúa nước). Phần đất trên có nguồn gốc là của cha ông Trần Đ là Trần A (đã chết). Các đồng thừa kế của ông Trần Đ đã thống nhất giao cho ông Trần Đ toàn quyền sử dụng, định đoạt.

Tuy nhiên giữa ông Dương Thanh T1 với ông Trần Đ chưa tiến hành thủ tục đăng ký chuyển quyền sử dụng đất trên qua tên ông Dương Thanh T1. Vì bản thân ông Dương Thanh T1 nhận chuyển nhượng đất để chuyển nhượng lại cho người khác có nhu cầu. Do đó, thông qua bạn bè giới thiệu ông Sơn T có nhu cầu chuyển nhượng nên ông Dương Thanh T1 và ông Sơn T thống nhất giá trị phần đất trên để xác lập

việc chuyển nhượng. Ông Sơn T là người biết rõ phần đất trên vẫn chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cho ông Dương Thanh T1. Nhưng hai bên vẫn thống nhất về giá trị chuyển nhượng là 1.160.000.000 đồng, giao kèo đặt cọc là 400.000.000 đồng với thời gian từ ngày 13/5/2022 đến ngày 28/6/2022.

Vào ngày 13/5/2022, ông Sơn T chỉ mới tạm ứng số tiền 50.000.000 đồng cho ông Dương Thanh T1 chứ chưa giao tiền cọc như thỏa thuận là 400.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, do tin tưởng nên ông Sơn Phươ là Ban nhân dân ấp Nước Mặn 2 đã xác nhận ngày 13/5/2020 số tiền ông Dương Thanh T1 nhận cọc vào ngày 15/5/2022 là 400.000.000 đồng. Nhưng thực chất chỉ có nhận số tiền tạm ứng là 50.000.000 đồng.

Ông Dương Thanh T1 đã nhiều lần liên hệ để ông Sơn T giao đủ số tiền cọc còn lại cho đủ số 400.000.000 đồng nhằm ông Dương Thanh T1 tiến hành các thủ tục liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng. Nhưng phía ông Sơn T cho rằng phần đất trên không chuyển nhượng được do vướng thủ tục. Thông tin này ông Sơn T nắm hoàn toàn không có cơ sở. Bởi vì vào ngày 01/4/2022 phần đất trên đã được Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện Long Phú đo đạc (trước ngày ông Dương Thanh T1 với ông Sơn T giao kèo chuyển nhượng).

Hiện nay phần đất này ông Dương Thanh T1 đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cho người khác xong.

Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có nêu nội dung phần đất trên ông Dương Thanh T1 không ký thủ tục chuyển nhượng cho ông Sơn T là không đúng. Thêm nội dung ông Sơn T nêu đã đặt cọc 50.000.000 đồng cũng không chính xác vì số tiền ông Sơn T chỉ tạm ứng là 50.000.000 đồng. Ông Dương Thanh T1 thừa nhận chỉ nhận số tiền 50.000.000 đồng. Do đó ông Sơn T yêu cầu phạt cọc 50.000.000 đồng ông Dương Thanh T1 không đồng ý.

Còn số tiền ông Dương Thanh T1 nhận tạm ứng của ông Sơn T 50.000.000 đồng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này ông Dương Thanh T1 không đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Dương Bảo Q trình bày:***

Toàn bộ việc giao dịch giữa ông Sơn T với ông Dương Thanh T1 là do ông Dương Bảo Q giới thiệu. Theo đó hai bên xác lập giao kèo sẽ chuyển nhượng phần đất tại thửa số 426, tờ bản đồ số 05 tọa lạc ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với diện tích khoảng 5.003m² do ông Dương Thanh T1 nhận chuyển nhượng từ ông Trần Đ trước đây.

**** Tại phiên tòa hôm nay,***

- Đại diện theo ủy quyền của ông Sơn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Dương Thanh T1 trả lại tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng và rút lại yêu cầu phạt cọc là 50.000.000 đồng.

- Bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người làm chứng ông Dương Bảo Q xác định ông là người giới thiệu để ông Sơn T đến thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Dương Thanh T1. Ông Chứng kiến ông Dương Thanh T1 nhận tiền cọc 50.000.000 đồng và khẳng định phần đất hai bên thỏa thuận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Trần A. Nhưng ông An đã chết, ông Trần Đ là người thừa kế nhưng chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên ông Dương Thanh T1 đối với phần đất này.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và các bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 117, Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 168, Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố Hợp đồng đặt cọc vô hiệu. Buộc ông Dương Thanh T1 có trách nhiệm trả cho ông Sơn T số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Dương Thanh T1 có địa chỉ ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Dương Thanh T1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Thanh T1.

[3] Về xác định quan hệ tranh chấp: Ông Sơn T khởi kiện ông Dương Thanh T1 về hợp đồng đặt cọc ngày 13/5/2022 được xác định đây là vụ án dân sự với quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng đặt cọc” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 328 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Xét về rút một phần yêu cầu phạt cọc của ông Nguyễn Thanh D là người được nguyên đơn ủy quyền tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ đối với yêu cầu phạt cọc 50.000.000 đồng.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do đại diện của nguyên đơn ông Sơn T là ông Nguyễn Thanh D cung cấp: Hợp đồng đặt cọc lập ngày 13/5/2022. Theo hợp đồng đặt cọc lập ngày 13/5/2022 thì số tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng, với giao kết là kể từ ngày 23/5/2022 đến ngày 28/6/2022 ông Dương Thanh T1 sẽ ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho ông Sơn T phần đất có diện tích 5.000m² đất ruộng, tại thửa 426, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất: Ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, với giá chuyển nhượng là 1.160.000.000 đồng; Nếu bên ông Sơn T từ chối việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng thì mất tiền cọc, nếu bên ông Dương Thanh T1 từ chối việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng thì phải bồi thường tiền cọc. Bị đơn ông Dương Thanh T1 cũng không phản đối những tài liệu, chứng cứ nêu trên. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định: Vào ngày 13/5/2022, giữa ông Sơn T và ông Dương Thanh T1 xác lập giao dịch đặt cọc để thực hiện thủ tục chuyển nhượng phần đất tại thửa số 426, tờ bản đồ số 05 tọa lạc ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với số tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng nhưng ông Sơn T chỉ mới giao cho ông Dương Thanh T1 số tiền 50.000.000 đồng.

[5.2] Theo nội dung trình bày của ông Sơn T và ông Dương Thanh T1 cùng xác định giao dịch chuyển quyền sử dụng phần diện tích khoảng 5.003m² (loại đất chuyên trồng lúa nước) tại thửa số 426, tờ bản đồ số 05 tọa lạc ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của cha ông Trần Đ là Trần A (đã chết). Sau đó ông Trần Đ chuyển nhượng phần đất trên cho ông Dương Thanh T1 nhưng chưa thực hiện thủ tục đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Tại thời điểm giao kèo đặt cọc với ông Sơn T thì ông Dương Thanh T1 chưa được đại diện chủ sở hữu về đất đai Quyết định trao quyền sử dụng đất cho. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào khoản 1 Điều 168 của Luật đất đai 2013 quy định về Thời điểm được thực hiện các quyền của người sử dụng đất: *1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận.*

...

[5.3] Do đó, ông Dương Thanh T1 chưa có quyền để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đối với phần đất tại thửa số 426, tờ bản đồ số 05 tọa lạc ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 117 và Điều 122 của Bộ luật dân sự 2015 xác định giao dịch đặt cọc để thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa 426 nêu trên là vô hiệu.

[5.4] Về hậu quả của giao đặt cọc:

[5.4.1] Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập”.

[5.4.2] Theo khoản 2 Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận”. Do đó ông Dương Thanh T1 đồng ý trả lại số tiền 50.000.000 đồng đã nhận vào ngày 13/5/2022 nên cần ghi nhận và buộc trả lại số tiền trên cho nguyên đơn. Đối với nguyên đơn không có nhận bất cứ gì từ bị đơn trong giao dịch trên và bị đơn cũng không đưa ra yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5.4.3] Xét về lỗi các bên tham gia giao dịch thấy rằng: Ông Sơn T và ông Dương Thanh T1 cùng xác định và biết được việc ông Dương Thanh T1 chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 426, tờ bản đồ số 05 tọa lạc ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nhưng vẫn thực hiện giao dịch đặt cọc nhằm thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng nên lỗi được xác định là ông Sơn T và ông Dương Thanh T1 cùng phải chịu nên không phải bồi thường cho nhau.

[5.4.4] Do lỗi phát sinh ở cả nguyên đơn và bị đơn. Nhưng nguyên đơn đã rút lại đối với yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ và không xem xét.

[5.5] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở hợp đồng đặt cọc là vô hiệu, buộc các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do đó cần chấp nhận yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của ông Sơn T yêu cầu ông Dương Thanh T1 trả số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng.

[6] Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí phần này.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 3 Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 117, 122, 238, khoản 1,

khoản 2 Điều 131 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật sự năm 2015 và khoản 1 Điều 168 của Luật đất đai 2013.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sơn T.

1/ Buộc ông Dương Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Sơn T số tiền đã nhận cọc là: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Đình chỉ yêu cầu phạt tiền cọc 50.000.000 đồng của ông Sơn T.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Sơn T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ Tòa án số 0006859 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú.

- Buộc bị đơn ông Dương Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

5/ Về quyền kháng cáo: Ông Sơn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và ông Dương Thanh T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện LP;
- Chi cục THADS huyện LP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thái Ngọc